

UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SXD-QLN
V/v công bố thông tin liên quan đến
Dự án Khu nhà ở công nhân và dịch
vụ công nghiệp xã Quang Tiến,
thành phố Hoà Bình (nay là xã
Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ)

Phú Thọ, ngày tháng 10 năm 2025

Kính gửi: Công ty TNHH dự án Nhà ở công nghiệp và Dịch vụ Công
nghiệp Quang Tiến (Địa chỉ: Xóm Trung Mường, xã Thịnh
Minh, tỉnh Phú Thọ)

Ngày 03/10/2025, Sở Xây dựng nhận được Văn bản số 105/CV-QT ngày 29/9/2025 của Công ty TNHH dự án Nhà ở công nghiệp và Dịch vụ Công nghiệp Quang Tiến về việc công bố thông tin liên quan đến Dự án Khu nhà ở công nhân và dịch vụ công nghiệp xã Quang Tiến, thành phố Hoà Bình (nay là xã Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ).

Căn cứ quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 38, Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội. Sở Xây dựng Phú Thọ công bố thông tin như sau:

1. Tên dự án: Khu nhà ở công nhân và Dịch vụ công nghiệp xã Quang Tiến, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.

2. Chủ đầu tư dự án: Chủ đầu tư: Liên danh Công ty Cổ phần Thương mại Dạ Hợp và Công ty Cổ phần Đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long.

Công ty thực hiện dự án: Công ty TNHH Dự án nhà ở công nhân và dịch vụ công nghiệp Quang Tiến

3. Địa điểm xây dựng dự án: Xã Quang Tiến, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình (nay là xã Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ).

4. Địa chỉ liên lạc, địa chỉ nộp đơn đăng ký:

- Địa chỉ số 1 Tại Dự án: Tòa nhà Văn phòng dự án Cụm công nghiệp Tiên Tiến, xã Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ (Số điện thoại liên hệ: 981.424.666 / 0366.794.759 / 096.6366.555 / 0353.170.930).

- Địa chỉ số 2 tại Trụ sở văn phòng Công ty Cổ phần Thương mại Dạ Hợp: Tầng 1, KTM Tòa nhà ở xã hội Dạ Hợp, đường Lê Thánh Tông, tổ 5, Phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ (Số điện thoại liên hệ: 0981.424.666 / 0366.794.759 / 096.6366.555 / 0353.170.930).

- Địa chỉ số 3 văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Thương mại Dạ Hợp: Ô số 9, 10, 11A, tầng 7, tòa nhà văn phòng Charm Vít Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam (Số điện thoại liên hệ: 0981.424.666 / 0366.794.759 / 096.6366.555 / 0353.170.930).

Lưu ý: Khách hàng chỉ đến nộp hồ sơ tại các địa điểm nêu trên.

5. Tiến độ thực hiện dự án:

5.1. Công trình nhà ở xã hội dạng liên kề thấp tầng:

- 74 căn đợt 1: Dự kiến hoàn thành trong Quý IV năm 2025 (đã đủ điều kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai theo Thông báo số 4284/SXD-QLN&TTBĐS ngày 30/06/2025 của Sở Xây dựng).

- 72 căn đợt 2: Dự kiến hoàn thành trong Quý I năm 2026.

5.2. Công trình nhà ở xã hội dạng chung cư cao tầng: Dự kiến hoàn thành trong Quý III năm 2026.

6. Quy mô dự án:

6.1. Nhà ở xã hội dạng liên kề thấp tầng, bao gồm 146 căn (có 14 mẫu điển hình: L1-A, L1-B, L2, L3, L4 (L7, L8), L5, L6, L9, L12-A, L12-B, L13-B, L14-A, L14-B với các thông tin chi tiết như sau):

- Tổng diện tích khu đất: 8.728,94 m², Diện tích xây dựng: 8.215,8 m², tương ứng với 146 lô đất ở có diện tích xây dựng từ 55,8 m² – 66,5 m²/căn, tổng diện tích sàn xây dựng: 18.724,3 m².

- Mật độ xây dựng tối đa 95%, hệ số sử dụng đất không quá 2 lần, tổng diện tích sàn xây dựng mỗi căn trong khoảng từ 127,2 m² – 151,3 m²/căn.

- Công trình nhà ở liên kề được thiết kế xây dựng là nhà 02 tầng 01 tum, với tổng chiều cao công trình 11,473; cao độ nền nhà +0,35m so với cao độ mặt đường nội bộ; Có các khu chức năng chính như sau:

+ Tầng 1: Diện tích sàn xây dựng khoảng 55,8 m² đến 66,5 m², chiều cao 3,7m bao gồm: Phòng khách, Phòng bếp + ăn, vệ sinh.

+ Tầng 2: Diện tích sàn xây dựng khoảng 54,5 m² đến 65,3 m², chiều cao 3,05m, bao gồm: 02 Phòng ngủ + vệ sinh chung.

+ Tầng tum: Diện tích sàn xây dựng trong khoảng từ 16,9 m² đến 19,5 m², chiều cao 4,37m, bao gồm: 01 Phòng kho + sân phơi + khu vực giặt.

6.2. Nhà ở xã hội dạng chung cư, bao gồm 02 công trình bố cục 02 khối chữ L (CT1 và CT2), với các thông tin chi tiết như sau:

- Diện tích khu đất: 7.562,7 m².

- Diện tích xây dựng: 3.997 m².

- Mật độ xây dựng: 52,9 %.

- Hệ số sử dụng đất: 2,3.

- Tổng diện tích sàn: 17.565 m².
- Chiều cao công trình: (tầng 1 cao 3,9 m; tầng 2,3,4,5 cao 3,3 m; tầng tum cao 3,49 m, trát mái: 0,51m).
- Số tầng: Nhà 05 tầng.
- Số lượng căn hộ: Tổng số 245 căn (*Tòa CT1: Tổng số 116 căn; Tầng 1 gồm 12 căn; Từ tầng 2 đến tầng 5 mỗi tầng 26 căn. Diện tích mỗi căn trong khoảng từ 31,8 m² – 64,6 m². Tòa CT2: Tổng số 129 căn; Tầng 1 gồm 25 căn; Từ tầng 2 đến tầng 5 mỗi tầng 26 căn. Diện tích mỗi căn trong khoảng từ 31,8 m² – 64,6 m²).*

7. Số lượng căn hộ:

7.1. Đối với dạng nhà ở liền kề thấp tầng

- Tổng số 146 căn (Diện tích xây dựng từ 55.8 m² - 66,5 m²/căn).
- Tổng diện tích sàn của mỗi căn từ 127,2 m² - 151,3 m²/căn.
- Số lượng để bán nhà ở xã hội là 146 căn.

7.2. Đối với dạng nhà ở chung cư

- Tổng số căn hộ: 245 căn (Tổng diện tích sàn thông thủy: 12.176,1 m²).
- Diện tích căn hộ từ 31,8 m² - 64,6 m².
- Số lượng căn hộ để bán nhà ở xã hội là 245 căn.

8. Giá căn hộ chung cư xã hội (dự kiến):

8.1. Giá bán nhà ở xã hội dạng liền kề thấp tầng (khoảng): **từ 12.000.000 đến tối đa 18.000.000 đồng/m²** xây dựng (chưa bao gồm VAT) tùy theo vị trí căn.

8.2. Giá bán nhà ở xã hội dạng chung cư cao tầng (khoảng): **từ 11.000.000 đến tối đa 18.000.000 đồng/m²** thông thủy (*chưa bao gồm VAT, chưa có chi phí bảo trì*) tùy theo vị trí căn.

(Mức giá trên là mức giá dự kiến. Chủ đầu tư sẽ công bố giá chính thức sau khi hoàn thành công tác thẩm tra, phê duyệt theo quy định).

9. Thời gian dự kiến tiếp nhận và kết thúc nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:

Thời gian tiếp nhận đơn đăng ký: Từ Quý IV/2025.

Thời gian kết thúc nhận đơn đăng ký: Đến khi hoàn tất việc bán nhà ở xã hội.

10. Trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án

Công ty TNHH Dự án nhà ở công nhân và dịch vụ công nghiệp Quang Tiến có trách nhiệm thực hiện đăng tải ít nhất 01 lần tại báo là cơ quan ngôn luận của chính quyền địa phương và UBND xã Thịnh Minh; đồng thời công bố tại Sàn giao dịch bất động sản của chủ đầu tư (*nếu có*) để người dân biết, chuẩn bị hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội và thực hiện việc theo dõi, giám sát đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 38 Nghị định 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2014 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và

quản lý nhà ở xã hội; chịu trách nhiệm về các số liệu cung cấp tại Văn bản số 105/CV-QT ngày 29/9/2025 của Công ty TNHH dự án Nhà ở công nghiệp và Dịch vụ Công nghiệp Quang Tiến về việc công bố thông tin liên quan đến Dự án Khu nhà ở công nhân và dịch vụ công nghiệp xã Quang Tiến, thành phố Hoà Bình (nay là xã Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ).

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh về Sở Xây dựng Phú Thọ để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND xã Thịnh Minh;
- Giám đốc Sở (B/cáo);
- Trang TTĐT Sở XD tỉnh Phú Thọ (để đăng tải);
- Lưu: VT, QLNN&TTBĐS (A)

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Quốc Thắng

**PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HẠNG MỤC NHÀ Ở CÔNG NHÂN
THẤP TẦNG**

STT	Ký hiệu	Tên thương mại	Giá bán tạm tính (Chưa bao gồm VAT và chưa có kinh phí bảo trì) (đồng/m²)
1	L-01.01	VKM-01.01	18,000,000
2	L-01.02	VKM-01.02	16,576,268
3	L-01.03	VKM-01.03	16,140,051
4	L-01.04	VKM-01.04	16,140,051
5	L-01.05	VKM-01.05	15,413,021
6	L-01.06	VKM-01.06	16,140,051
7	L-01.07	VKM-01.07	16,140,051
8	L-01.08	VKM-01.08	16,140,051
9	L-01.09	VKM-01.09	16,140,051
10	L-01.10	VKM-01.10	16,140,051
11	L-01.11	VKM-01.11	16,140,051
12	L-01.12	VKM-01.12	16,140,051
13	L-01.13	VKM-01.13	16,140,051
14	L-01.14	VKM-01.14	16,140,051
15	L-01.15	VKM-01.15	16,140,051
16	L-01.16	VKM-01.16	16,140,051
17	L-01.17	VKM-01.17	16,939,783
18	L-01.18	VKM-01.18	16,358,160
19	L-01.19	VKM-01.19	15,049,507
20	L-01.20	VKM-01.20	15,049,507
21	L-01.21	VKM-01.21	15,049,507
22	L-01.22	VKM-01.22	15,049,507
23	L-01.23	VKM-01.23	15,049,507
24	L-01.24	VKM-01.24	15,049,507
25	L-01.25	VKM-01.25	14,613,289
26	L-01.26	VKM-01.26	14,613,289
27	L-01.27	VKM-01.27	14,613,289
28	L-01.28	VKM-01.28	14,613,289
29	L-01.29	VKM-01.29	14,613,289

30	L-01.30	VKM-01.30	14,613,289
31	L-01.31	VKM-01.31	14,613,289
32	L-01.32	VKM-01.32	16,794,377
33	L-02.01	BMX-01.01	14,976,804
34	L-02.02	BMX-01.02	14,393,558
35	L-02.03	BMX-01.03	14,102,746
36	L-02.04	BMX-01.04	14,102,746
37	L-02.05	BMX-01.05	13,666,528
38	L-02.06	BMX-01.06	13,666,528
39	L-02.07	BMX-01.07	13,666,528
40	L-02.08	BMX-01.08	13,666,528
41	L-02.09	BMX-01.09	14,540,586
42	L-03.01	BMX-02.01	14,395,180
43	L-03.02	BMX-02.02	12,939,499
44	L-03.03	BMX-02.03	12,721,390
45	L-03.04	BMX-02.04	12,721,390
46	L-03.05	BMX-02.05	12,721,390
47	L-03.06	BMX-02.06	12,721,390
48	L-03.07	BMX-02.07	12,721,390
49	L-03.08	BMX-02.08	12,721,390
50	L-03.09	BMX-02.09	13,595,448
51	L-04.01	BMX-03.01	14,395,180
52	L-04.02	BMX-03.02	13,375,717
53	L-04.03	BMX-03.03	12,939,499
54	L-04.04	BMX-03.04	12,939,499
55	L-04.05	BMX-03.05	12,939,499
56	L-04.06	BMX-03.06	12,939,499
57	L-04.07	BMX-03.07	12,939,499
58	L-04.08	BMX-03.08	12,939,499
59	L-04.09	BMX-03.09	13,740,854
60	L-05.01	BMX-04.01	13,740,854
61	L-05.02	BMX-04.02	12,721,390
62	L-05.03	BMX-04.03	12,721,390

63	L-05.04	BMX-04.04	12,721,390
64	L-05.05	BMX-04.05	12,721,390
65	L-05.06	BMX-04.06	12,721,390
66	L-05.07	BMX-04.07	12,721,390
67	L-05.08	BMX-04.08	12,721,390
68	L-05.09	BMX-04.09	13,522,745
69	L-06.01	BMX-05.01	15,340,318
70	L-06.02	BMX-05.02	14,175,449
71	L-06.03	BMX-05.03	14,175,449
72	L-06.04	BMX-05.04	14,175,449
73	L-06.05	BMX-05.05	14,175,449
74	L-06.06	BMX-05.06	15,340,318
75	L-07.01	BMX-06.01	14,395,180
76	L-07.02	BMX-06.02	12,721,390
77	L-07.03	BMX-06.03	12,721,390
78	L-07.04	BMX-06.04	12,721,390
79	L-07.05	BMX-06.05	12,575,984
80	L-07.06	BMX-06.06	12,575,984
81	L-07.07	BMX-06.07	12,721,390
82	L-07.08	BMX-06.08	12,721,390
83	L-07.09	BMX-06.09	13,740,854
84	L-08.01	BMX-07.01	13,740,854
85	L-08.02	BMX-07.02	12,721,390
86	L-08.03	BMX-07.03	12,575,984
87	L-08.04	BMX-07.04	12,575,984
88	L-08.05	BMX-07.05	12,721,390
89	L-08.06	BMX-07.06	12,721,390
90	L-08.07	BMX-07.07	12,721,390
91	L-08.08	BMX-07.08	12,721,390
92	L-08.09	BMX-07.09	13,668,151
93	L-09.01	BMX-08.01	15,340,318
94	L-09.02	BMX-08.02	14,393,558
95	L-09.03	BMX-08.03	14,393,558

96	L-09.04	BMX-08.04	14,248,152
97	L-09.05	BMX-08.05	14,393,558
98	L-09.06	BMX-08.06	14,175,449
99	L-09.07	BMX-08.07	14,175,449
100	L-09.08	BMX-08.08	15,340,318
101	L-12.01	BMX-09.01	13,813,557
102	L-12.02	BMX-09.02	13,521,123
103	L-12.03	BMX-09.03	13,375,717
104	L-12.04	BMX-09.04	13,375,717
105	L-12.05	BMX-09.05	13,521,123
106	L-12.06	BMX-09.06	12,794,093
107	L-12.07	BMX-09.07	12,794,093
108	L-12.08	BMX-09.08	13,521,123
109	L-12.09	BMX-09.09	13,521,123
110	L-12.10	BMX-09.10	13,375,717
111	L-12.11	BMX-09.11	13,375,717
112	L-12.12	BMX-09.12	13,521,123
113	L-12.13	BMX-09.13	14,467,883
114	L-13.01	BMX-10.01	14,467,883
115	L-13.02	BMX-10.02	13,521,123
116	L-13.03	BMX-10.03	13,375,717
117	L-13.04	BMX-10.04	13,375,717
118	L-13.05	BMX-10.05	13,521,123
119	L-13.06	BMX-10.06	13,521,123
120	L-13.07	BMX-10.07	13,521,123
121	L-13.08	BMX-10.08	13,521,123
122	L-13.09	BMX-10.09	13,521,123
123	L-13.10	BMX-10.10	13,521,123
124	L-13.11	BMX-10.11	13,375,717
125	L-13.12	BMX-10.12	13,375,717
126	L-13.13	BMX-10.13	13,521,123
127	L-13.14	BMX-10.14	13,813,557
128	L-14.01	VKM-02.01	16,648,971

129	L-14.02	VKM-02.02	15,702,211
130	L-14.03	VKM-02.03	15,556,805
131	L-14.04	VKM-02.04	15,702,211
132	L-14.05	VKM-02.05	15,702,211
133	L-14.06	VKM-02.06	15,702,211
134	L-14.07	VKM-02.07	15,702,211
135	L-14.08	VKM-02.08	15,702,211
136	L-14.09	VKM-02.09	15,702,211
137	L-14.10	VKM-02.10	15,702,211
138	L-14.11	VKM-02.11	15,702,211
139	L-14.12	VKM-02.12	16,503,565
140	L-14.13	VKM-02.13	16,140,051
141	L-14.14	VKM-02.14	15,193,290
142	L-14.15	VKM-02.15	15,193,290
143	L-14.16	VKM-02.16	15,193,290
144	L-14.17	VKM-02.17	15,193,290
145	L-14.18	VKM-02.18	15,193,290
146	L-14.19	VKM-02.19	16,212,754

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HẠNG MỤC NHÀ Ở CÔNG NHÂN CAO TẦNG

STT	Ký hiệu	Số hiệu căn hộ	Tòa	Tầng	Giá bán tạm tính (Chưa bao gồm VAT và chưa có kinh phí bảo trì) (đồng/m ²)
I. Tòa CT 1 (TM1)					
1	D-01	101	TM1	Tầng 1	14,322,477
2	F-01	102	TM1	Tầng 1	15,849,239
3	A3-01	103	TM1	Tầng 1	13,886,260
4	B-01	104	TM1	Tầng 1	14,031,873
5	A2-01	105	TM1	Tầng 1	13,450,042
6	A2-02	106	TM1	Tầng 1	13,450,042
7	A2-01	107	TM1	Tầng 1	13,450,042
8	E1-01	108	TM1	Tầng 1	15,340,318

9	A2-01	109	TM1	Tầng 1	14,613,289
10	A2-02	110	TM1	Tầng 1	14,177,072
11	A2-01	111	TM1	Tầng 1	14,177,072
12	C-01	112	TM1	Tầng 1	15,921,942
13	D-01	201	TM1	Tầng 2	15,194,913
14	F-01	202	TM1	Tầng 2	16,721,674
15	A3-01	203	TM1	Tầng 2	14,758,695
16	B-01	204	TM1	Tầng 2	14,904,308
17	A2-01	205	TM1	Tầng 2	14,322,477
18	A2-02	206	TM1	Tầng 2	14,322,477
19	A2-01	207	TM1	Tầng 2	14,322,477
20	E1-01	208	TM1	Tầng 2	16,212,754
21	A2-01	209	TM1	Tầng 2	15,485,724
22	A2-02	210	TM1	Tầng 2	15,049,507
23	A2-01	211	TM1	Tầng 2	15,049,507
24	C-01	212	TM1	Tầng 2	16,794,377
25	B1-01	213	TM1	Tầng 2	14,758,695
26	A2-02	214	TM1	Tầng 2	14,613,289
27	A2-01	215	TM1	Tầng 2	14,613,289
28	A2-02	216	TM1	Tầng 2	14,613,289
29	A2-01	217	TM1	Tầng 2	14,613,289
30	A2-02	218	TM1	Tầng 2	14,613,289
31	C1-01	219	TM1	Tầng 2	16,503,565
32	B-01	220	TM1	Tầng 2	14,031,873
33	A2-02	221	TM1	Tầng 2	13,886,260
34	A2-01	222	TM1	Tầng 2	13,886,260
35	A2-02	223	TM1	Tầng 2	13,886,260
36	A2-01	224	TM1	Tầng 2	13,886,260
37	A2-02	225	TM1	Tầng 2	13,886,260
38	E1-02	226	TM1	Tầng 2	16,212,754
39	D-01	301	TM1	Tầng 3	15,194,913
40	F-01	302	TM1	Tầng 3	16,721,674
41	A3-01	303	TM1	Tầng 3	14,758,695
42	B-01	304	TM1	Tầng 3	14,904,308
43	A2-01	305	TM1	Tầng 3	14,322,477

44	A2-02	306	TM1	Tầng 3	14,322,477
45	A2-01	307	TM1	Tầng 3	14,322,477
46	E1-01	308	TM1	Tầng 3	16,212,754
47	A2-01	309	TM1	Tầng 3	15,485,724
48	A2-02	310	TM1	Tầng 3	15,049,507
49	A2-01	311	TM1	Tầng 3	15,049,507
50	C-01	312	TM1	Tầng 3	16,794,377
51	B1-01	313	TM1	Tầng 3	14,758,695
52	A2-02	314	TM1	Tầng 3	14,613,289
53	A2-01	315	TM1	Tầng 3	14,613,289
54	A2-02	316	TM1	Tầng 3	14,613,289
55	A2-01	317	TM1	Tầng 3	14,613,289
56	A2-02	318	TM1	Tầng 3	14,613,289
57	C1-01	319	TM1	Tầng 3	16,503,565
58	B-01	320	TM1	Tầng 3	14,031,873
59	A2-02	321	TM1	Tầng 3	13,886,260
60	A2-01	322	TM1	Tầng 3	13,886,260
61	A2-02	323	TM1	Tầng 3	13,886,260
62	A2-01	324	TM1	Tầng 3	13,886,260
63	A2-02	325	TM1	Tầng 3	13,886,260
64	E1-02	326	TM1	Tầng 3	16,212,754
65	D-01	401	TM1	Tầng 4	14,177,072
66	F-01	402	TM1	Tầng 4	16,140,051
67	A3-01	403	TM1	Tầng 4	14,177,072
68	B-01	404	TM1	Tầng 4	14,322,685
69	A2-01	405	TM1	Tầng 4	13,740,854
70	A2-02	406	TM1	Tầng 4	13,740,854
71	A2-01	407	TM1	Tầng 4	13,740,854
72	E1-01	408	TM1	Tầng 4	16,358,160
73	A2-01	409	TM1	Tầng 4	14,467,883
74	A2-02	410	TM1	Tầng 4	14,031,666
75	A2-01	411	TM1	Tầng 4	14,031,666
76	C-01	412	TM1	Tầng 4	15,776,536
77	B1-01	413	TM1	Tầng 4	13,740,854
78	A2-02	414	TM1	Tầng 4	13,595,448

79	A2-01	415	TM1	Tầng 4	13,595,448
80	A2-02	416	TM1	Tầng 4	13,595,448
81	A2-01	417	TM1	Tầng 4	13,595,448
82	A2-02	418	TM1	Tầng 4	13,595,448
83	C1-01	419	TM1	Tầng 4	15,485,724
84	B-01	420	TM1	Tầng 4	13,014,032
85	A2-02	421	TM1	Tầng 4	12,868,419
86	A2-01	422	TM1	Tầng 4	12,868,419
87	A2-02	423	TM1	Tầng 4	12,868,419
88	A2-01	424	TM1	Tầng 4	12,868,419
89	A2-02	425	TM1	Tầng 4	12,868,419
90	E1-02	426	TM1	Tầng 4	15,194,913
91	D-01	501	TM1	Tầng 5	15,340,318
92	F-01	502	TM1	Tầng 5	17,303,298
93	A3-01	503	TM1	Tầng 5	15,340,318
94	B-01	504	TM1	Tầng 5	15,485,932
95	A2-01	505	TM1	Tầng 5	14,904,101
96	A2-02	506	TM1	Tầng 5	14,904,101
97	A2-01	507	TM1	Tầng 5	14,904,101
98	E1-01	508	TM1	Tầng 5	17,521,406
99	A2-01	509	TM1	Tầng 5	15,631,130
100	A2-02	510	TM1	Tầng 5	15,194,913
101	A2-01	511	TM1	Tầng 5	15,194,913
102	C-01	512	TM1	Tầng 5	16,939,783
103	B1-01	513	TM1	Tầng 5	14,904,101
104	A2-02	514	TM1	Tầng 5	14,758,695
105	A2-01	515	TM1	Tầng 5	14,758,695
106	A2-02	516	TM1	Tầng 5	14,758,695
107	A2-01	517	TM1	Tầng 5	14,758,695
108	A2-02	518	TM1	Tầng 5	14,758,695
109	C1-01	519	TM1	Tầng 5	16,648,971
110	B-01	520	TM1	Tầng 5	14,177,279
111	A2-02	521	TM1	Tầng 5	14,031,666
112	A2-01	522	TM1	Tầng 5	14,031,666
113	A2-02	523	TM1	Tầng 5	14,031,666

114	A2-01	524	TM1	Tầng 5	14,031,666
115	A2-02	525	TM1	Tầng 5	14,031,666
116	E1-02	526	TM1	Tầng 5	16,358,160
II. Tòa CT 2 (TM2)					
1	TM-02	SH01	TM2	Tầng 1	12,577,607
2	TM-01-1	SH02	TM2	Tầng 1	11,123,548
3	TM-01-2	SH03	TM2	Tầng 1	11,123,548
4	TM-01-1	SH04	TM2	Tầng 1	11,123,548
5	TM-01-2	SH05	TM2	Tầng 1	11,123,548
6	TM-01-1	SH06	TM2	Tầng 1	11,123,548
7	TM-05	SH07	TM2	Tầng 1	11,123,548
8	TM-03	SH08	TM2	Tầng 1	11,995,984
9	TM-04	SH09	TM2	Tầng 1	12,577,607
10	A3-01	101	TM2	Tầng 1	14,467,883
11	B-01	102	TM2	Tầng 1	14,613,496
12	A2-02	103	TM2	Tầng 1	14,467,883
13	A2-01	104	TM2	Tầng 1	14,031,666
14	A2-02	105	TM2	Tầng 1	14,031,666
15	E1-01	106	TM2	Tầng 1	15,921,942
16	A2-02	107	TM2	Tầng 1	15,049,507
17	A2-01	108	TM2	Tầng 1	14,613,289
18	A2-02	109	TM2	Tầng 1	14,613,289
19	C-01	110	TM2	Tầng 1	16,358,160
20	A2-02	111	TM2	Tầng 1	15,485,724
21	A2-01	112	TM2	Tầng 1	14,177,072
22	A2-02	113	TM2	Tầng 1	14,177,072
23	A2-01	114	TM2	Tầng 1	14,177,072
24	A2-02	115	TM2	Tầng 1	14,177,072
25	C-02	116	TM2	Tầng 1	16,358,160
26	D-01	201	TM2	Tầng 2	16,867,080
27	F-01	202	TM2	Tầng 2	17,085,189
28	A3-01	203	TM2	Tầng 2	15,340,318
29	B-01	204	TM2	Tầng 2	15,485,932
30	A2-02	205	TM2	Tầng 2	14,904,101
31	A2-01	206	TM2	Tầng 2	14,904,101

32	A2-02	207	TM2	Tầng 2	14,904,101
33	E1-01	208	TM2	Tầng 2	16,794,377
34	A2-02	209	TM2	Tầng 2	15,921,942
35	A2-01	210	TM2	Tầng 2	15,485,724
36	A2-02	211	TM2	Tầng 2	15,485,724
37	C-01	212	TM2	Tầng 2	17,230,595
38	B1-01	213	TM2	Tầng 2	15,194,913
39	A2-02	214	TM2	Tầng 2	15,049,507
40	A2-01	215	TM2	Tầng 2	15,049,507
41	A2-02	216	TM2	Tầng 2	15,049,507
42	A2-01	217	TM2	Tầng 2	15,049,507
43	A2-02	218	TM2	Tầng 2	15,049,507
44	C-02	219	TM2	Tầng 2	17,230,595
45	B-01	220	TM2	Tầng 2	15,267,823
46	A2-02	221	TM2	Tầng 2	15,122,210
47	A2-01	222	TM2	Tầng 2	15,122,210
48	A2-02	223	TM2	Tầng 2	15,122,210
49	A2-01	224	TM2	Tầng 2	15,122,210
50	A2-02	225	TM2	Tầng 2	15,122,210
51	E-02	226	TM2	Tầng 2	17,448,703
52	D-01	301	TM2	Tầng 3	16,867,080
53	F-01	302	TM2	Tầng 3	17,085,189
54	A3-01	303	TM2	Tầng 3	15,340,318
55	B-01	304	TM2	Tầng 3	15,485,932
56	A2-02	305	TM2	Tầng 3	14,904,101
57	A2-01	306	TM2	Tầng 3	14,904,101
58	A2-02	307	TM2	Tầng 3	14,904,101
59	E1-01	308	TM2	Tầng 3	16,794,377
60	A2-02	309	TM2	Tầng 3	15,921,942
61	A2-01	310	TM2	Tầng 3	15,485,724
62	A2-02	311	TM2	Tầng 3	15,485,724
63	C-01	312	TM2	Tầng 3	17,230,595
64	B1-01	313	TM2	Tầng 3	15,194,913
65	A2-02	314	TM2	Tầng 3	15,049,507
66	A2-01	315	TM2	Tầng 3	15,049,507

67	A2-02	316	TM2	Tầng 3	15,049,507
68	A2-01	317	TM2	Tầng 3	15,049,507
69	A2-02	318	TM2	Tầng 3	15,049,507
70	C-02	319	TM2	Tầng 3	17,230,595
71	B-01	320	TM2	Tầng 3	15,267,823
72	A2-02	321	TM2	Tầng 3	15,122,210
73	A2-01	322	TM2	Tầng 3	15,122,210
74	A2-02	323	TM2	Tầng 3	15,122,210
75	A2-01	324	TM2	Tầng 3	15,122,210
76	A2-02	325	TM2	Tầng 3	15,122,210
77	E-02	326	TM2	Tầng 3	17,448,703
78	D-01	401	TM2	Tầng 4	15,849,239
79	F-01	402	TM2	Tầng 4	16,067,348
80	A3-01	403	TM2	Tầng 4	14,322,477
81	B-01	404	TM2	Tầng 4	14,468,091
82	A2-02	405	TM2	Tầng 4	13,886,260
83	A2-01	406	TM2	Tầng 4	13,886,260
84	A2-02	407	TM2	Tầng 4	13,886,260
85	E1-01	408	TM2	Tầng 4	15,776,536
86	A2-02	409	TM2	Tầng 4	14,904,101
87	A2-01	410	TM2	Tầng 4	14,467,883
88	A2-02	411	TM2	Tầng 4	14,467,883
89	C-01	412	TM2	Tầng 4	16,212,754
90	B1-01	413	TM2	Tầng 4	14,177,072
91	A2-02	414	TM2	Tầng 4	14,031,666
92	A2-01	415	TM2	Tầng 4	14,031,666
93	A2-02	416	TM2	Tầng 4	14,031,666
94	A2-01	417	TM2	Tầng 4	14,031,666
95	A2-02	418	TM2	Tầng 4	14,031,666
96	C-02	419	TM2	Tầng 4	16,648,971
97	B-01	420	TM2	Tầng 4	14,249,982
98	A2-02	421	TM2	Tầng 4	14,104,369
99	A2-01	422	TM2	Tầng 4	14,104,369
100	A2-02	423	TM2	Tầng 4	14,104,369
101	A2-01	424	TM2	Tầng 4	14,104,369

102	A2-02	425	TM2	Tầng 4	14,104,369
103	E-02	426	TM2	Tầng 4	16,794,377
104	D-01	501	TM2	Tầng 5	17,012,486
105	F-01	502	TM2	Tầng 5	17,230,595
106	A3-01	503	TM2	Tầng 5	15,485,724
107	B-01	504	TM2	Tầng 5	15,631,337
108	A2-02	505	TM2	Tầng 5	15,049,507
109	A2-01	506	TM2	Tầng 5	15,049,507
110	A2-02	507	TM2	Tầng 5	15,049,507
111	E1-01	508	TM2	Tầng 5	16,939,783
112	A2-02	509	TM2	Tầng 5	16,067,348
113	A2-01	510	TM2	Tầng 5	15,631,130
114	A2-02	511	TM2	Tầng 5	15,631,130
115	C-01	512	TM2	Tầng 5	17,376,001
116	B1-01	513	TM2	Tầng 5	15,340,318
117	A2-02	514	TM2	Tầng 5	15,194,913
118	A2-01	515	TM2	Tầng 5	15,194,913
119	A2-02	516	TM2	Tầng 5	15,194,913
120	A2-01	517	TM2	Tầng 5	15,194,913
121	A2-02	518	TM2	Tầng 5	15,194,913
122	C-02	519	TM2	Tầng 5	17,812,218
123	B-01	520	TM2	Tầng 5	15,413,229
124	A2-02	521	TM2	Tầng 5	15,267,616
125	A2-01	522	TM2	Tầng 5	15,267,616
126	A2-02	523	TM2	Tầng 5	15,267,616
127	A2-01	524	TM2	Tầng 5	15,267,616
128	A2-02	525	TM2	Tầng 5	15,267,616
129	E-02	526	TM2	Tầng 5	17,957,624